

Đức Giêsu Kitô – Đấng Trung Gian và Là Ôn Cứu Độ Duy Nhất của Nhân Loại

Jesus Christ – The Mediator and the Sole Savior of Humanity

Phong Trần

¹ Học Viện Liên Dòng Phaolô Nguyễn Văn Bình, Vietnam

* Email của tác giả liên hệ: trungchau225@gmail.com

 <https://doi.org/10.54855/csl.23342>

Copyright (c) 2023 Phong Trần

Received: 18/12/2023

Revision: 22/12/2023

Accepted: 23/12/2023

Online: 26/12/2023

Tóm lược

Tính cách phổ quát của ơn cứu độ có nghĩa là ơn cứu độ không phải chỉ được ban cho những ai tuyên xưng niềm tin vào Chúa Kitô và đã gia nhập Giáo Hội. Vì được ban cho tất cả mọi người, ơn cứu độ phải thuận lợi một cách cụ thể đối với mọi người. Thế nhưng, thực tế cho thấy, hôm nay đây, cũng như trong quá khứ, nhiều người không có cơ hội biết đến hay chấp nhận mạc khải Phúc Âm hoặc gia nhập Giáo Hội. Những điều kiện về xã hội và văn hóa họ sống không cho phép họ thực hiện được điều này, và họ thường được dưỡng dục theo các truyền thống tôn giáo khác. Đối với những người như vậy, mặc dù họ có liên hệ một cách mờ nhạt nào đó với Giáo Hội, ơn cứu độ nơi Chúa Kitô bởi ân sủng cũng không làm cho họ chính thức trở thành phần tử của Giáo Hội, song chỉ soi sáng cho họ bằng một đường lối hợp với tình trạng tinh thần và thể chất của họ mà thôi. Ân sủng này là do Chúa Kitô ban cho; ân sủng ấy là hoa trái của việc Người hiến tế và được Thánh Linh thông ban cho. Ân sủng ấy giúp cho mỗi người đạt đến ơn cứu độ bằng việc tự do cộng tác của họ.

Từ khoá: ơn cứu độ, ân sủng, Thánh Linh thông ban

Abstract

The universal nature of salvation means that it is not only bestowed upon those who profess faith in Jesus Christ and have joined the Church. Because it is given to all people, salvation must be accessible in a specific way to everyone. However, the reality is that today, as well as in the past, many people do not have the opportunity to know or accept the proclamation of the Gospel or join the Church. The social and cultural conditions in which they live do not allow them to do so, and they are often nurtured in other religious traditions. For people like them, even though they may have some kind of mystical connection to the Church, salvation in Christ through grace does not formally make them members of the Church. It merely illuminates their path in accordance with their spiritual and physical condition. This grace is bestowed by Christ; it is the fruit of His sacrifice and is granted through the Holy Spirit. This grace helps each person attain salvation through their free cooperation.

Key words: salvation, grace, bestowed by the Holy Spirit

DẪN NHẬP

Tình yêu Chúa, đâu còn chi xa lạ,

Tháng mười hai, ai cũng biết đó mà:

Mùa Giáng Sinh, mùa hồng phúc bao la,

Mùa kỷ niệm, Chúa thiên toà giáng thế...

Tháng 12, mùa Giáng Sinh, mùa của những niềm vui, mùa của bao sự kiện được mọi người chào đón như mua sắm, lên kế hoạch nghỉ lễ, mừng năm mới, tổ chức lễ cưới... Hoà chung vào không khí hân hoan và náo nức đó, người Kitô hữu còn hạnh phúc hơn vì không chỉ là niềm vui, hạnh phúc trần gian mà còn bởi vì lễ Giáng Sinh – Thiên Chúa xuống thế làm người, đánh dấu ngày Thiên Chúa bắt đầu thực hiện công trình cứu độ của Người đối với những ai tin vào Đức Giêsu, như lời chép trong sách Thánh: *“Chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người; đó là một con người, Đức Kitô Giêsu”* (1Tm 2, 5), và: *“Thiên Chúa sai Con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian, nhờ Con của Người, mà được cứu độ”* (Ga 3, 17).



Đối với người Kitô hữu thì Đức Kitô Giêsu có một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống đức tin vì chúng ta tuyên xưng ngài là Đấng Cứu Thế, là Thiên Chúa và Đấng Trung Gian hoà giải Thiên Chúa với nhân loại và ai tin vào Người thì sẽ được hưởng ơn cứu độ. Nhưng ơn cứu độ chính xác là gì? Vì sao Đức Giêsu lại là trung gian để giao hoà giữa Thiên Chúa và loài người? Đức Giêsu có vai trò gì đối với những người ngoài Kitô giáo không? Đó là những vấn đề phức tạp vì có nhiều quan điểm khác nhau mà người tín hữu cũng cần nên truy tầm để học hỏi và củng cố đức tin trong đời sống thường ngày.

*“Chỉ có một Thiên Chúa,
chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người;
đó là một con người, Đức Kitô Giêsu”.*
(1Tm 2, 5)

Ơn cứu độ là gì?

Xét về mặt ngữ nghĩa thì “cứu độ” có liên quan đến nhiều hạn từ khác nhau như: Cứu chuộc, cứu độ, hay giải phóng...

“Cứu độ” dịch nghĩa của chữ “Salvation”, tiếng Hy Lạp là “Soter” có nghĩa chỉ về người chữa bệnh hay người cứu giúp. Cứu độ bao hàm ý nghĩa của một tình trạng suy đồi nay được sửa chữa lại nguyên vẹn như xưa, nhờ sự cứu vớt, giúp đỡ của một vị cứu tinh, ra tay cứu nhân độ thế¹.

¹ Đường Thi, *Thiên Chúa Giáo Và Tam Giáo*, (Tủ Sách Đam Đạo Tôn Giáo, 2000), 160.

Theo từ điển Hán Việt thì: Cứu độ là cứu nhân độ thế, hay cứu giúp người khỏi thế giới khổ. Định nghĩa này mang âm hưởng Phật giáo, vì chữ “độ” có nghĩa là qua sông, đưa người qua sông thoát khỏi “bến mê” về bờ giải thoát. Vì thế, “trước đây nhà đạo ít dùng từ cứu độ mà dùng từ cứu chuộc hay cứu rỗi nhiều hơn”².

Trong Kinh Thánh Cựu Ước thì danh từ “Padah” được dùng để chỉ về ơn cứu chuộc. “Padah” có nghĩa là mua hay chuộc lại, cứu mạng một người hay cứu thoát một ai đó thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than, hoặc giải phóng cho một người nào đó. “Ý niệm này được thể hiện rõ nét qua biến cố xuất hành của dân tộc Ít-ra-en. Thiên Chúa đã chuộc lại dân của Ngài thoát khỏi cảnh nô lệ ở Ai – cập, dẫn đưa họ về miền “đất hứa” tràn đầy sữa và mật”³.

“Hạn từ “Go’el” có nghĩa là chuộc về, giải thoát một người nô lệ, hay một dân tộc. Thiên Chúa được là “Go’el” vị cứu thoát của dân tộc Ít-ra-en”⁴. Vì vậy, người hãy nói với con cái Ít-ra-en:

Ta là Đức Chúa. Ta sẽ cứu các ngươi khỏi phải làm việc khổ sai cho người Ai Cập, sẽ giải thoát các ngươi khỏi làm nô lệ chúng. Ta sẽ giơ cánh tay, dùng uy quyền mà chuộc các ngươi lại (Xh 6, 6).

“Hạn từ “cứu rỗi” tiếng Híp-ri là “Yacha”, tiếng Hy Lạp là “Sozein” mang ý nghĩa thụ động, được cứu thoát khỏi một tai họa, một cơn nguy khốn cho cá nhân hay toàn dân, trên bình diện con người hay trên nhân giới lịch sử”⁵. Vì thế, cứu rỗi là việc Thiên Chúa cứu thoát con người ra khỏi cảnh nô lệ, khổ đau và cái chết, đem con người đến một cuộc sống tự do an vui và hạnh phúc, và không có gì có thể ngăn cản Thiên Chúa (x. 1Sm 14,5).

“Hạn từ “Yêsha” mang ý nghĩa của sự giải thoát, chiến thắng, của cải, hạnh phúc, trù phú và bình an trong ý nghĩa lịch sử và sau đó là cánh chung”⁶.

“Hạn từ “Moshia” có nghĩa là vị cứu thoát, nói đến vị cứu thoát Ít-ra-en khỏi những thù địch, chính Thiên Chúa là Đấng “cứu thoát” tuyệt đối duy nhất “vị cứu rỗi duy nhất”⁷.

Đức Kitô – Đấng cứu độ duy nhất

Đây là một chủ đề trụ cột của Kitô giáo, chúng ta có thể thấy đọc được điều này trong Sách Thánh: “Ngoài Ngài ra, không ai đem lại ơn cứu độ; vì dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ danh đó mà được cứu độ” (Cv 4,12). Từ đầu đến cuối, Tân Ước không ngừng khẳng định Đức Kitô là Đấng Cứu Độ

² Thiện Cẩm, *Khi Trẻ Thơ Im Tiếng*, (1996), 165.

³ J. Dheilly, *Từ Điển Kinh Thánh*, Tập I (Hà Nội: NXB: Tôn Giáo, 1993), 342-344

⁴ Paul Hitz, *Echternach, Luxembourg, Đức Giêsu Kitô Vị Cứu Chúa Của Ta*, Lm. Phêrô Nguyễn Đức Mậu CSsR, Chuyển Dịch (1960), 40.

⁵ Ibid., 40.

⁶ Ibid., 40.

⁷ Ibid., 40.

cho tất cả. Giáo hội sơ khai tin vững rằng Đức Kitô cứu rỗi mọi người, bất cứ thuộc chủng tộc, văn hóa, tôn giáo hay thời đại nào. Ngài ban cho họ ơn cứu độ sung mãn, và chẳng ai khác có thể làm được như vậy. Duy chỉ mình Ngài có quyền tha tội, ban ơn công chính hóa, biến con người thành nghĩa tử của Thiên Chúa.

Thánh Phaolô nói rõ Đức Kitô đã chết vì, thay mặt, và cho mọi người (x. 2Cr 5,14-15), với kết quả là nơi Ngài, Thiên Chúa đã hòa giải thế giới với Người (x. 2Cr 5,19). Trái với Adam, con người đầu tiên đã làm cho mọi người sa ngã và chết thì Đức Kitô đã làm cho mọi người được sống trong công chính (x. Rm 5,12-21). Thư Côlôxê nhấn mạnh về điểm này là *tất cả* đều phát sinh từ Ngài, tồn tại trong Ngài và hướng về Ngài (x. Cl 1,15-20). Đức Kitô là trung tâm điểm của mọi sự: của kế hoạch cứu độ và của quan hệ giữa Thiên Chúa với loài người. Vì thế, thư Timôthê quả quyết: *“Chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người: đó là một con người, Đức Kitô Giêsu, Đấng đã tự hiến làm giá chuộc mọi người”* (1Tm 2,5-6).

Chân lý này xuất hiện qua nhiều cách biểu đạt khác nhau. Thánh Gioan cho biết Đức Kitô là ánh sáng thế gian, chiếu soi cho hết mọi người (x. Ga 1,9). Chính Đức Giêsu đã dùng ẩn dụ để nói lên vai trò trung gian duy nhất của Ngài: *“Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống: không ai đến với Chúa Cha mà không qua Thầy”* (Ga 14, 6). Mà ơn cứu độ là sự sống đời đời; thế nên, Gioan giải thích và xác quyết tiếp: *“Thiên Chúa đã ban cho chúng ta sự sống đời đời, và sự sống ấy ở trong Con của Người. Ai có Chúa Con thì có sự sống, ai không có Con Thiên Chúa thì không có sự sống”* (1Ga 5,11-12).

Giáo lý này phát sinh từ ý thức Đức Giêsu có về chính bản thân của mình. Đức Giêsu dùng ngôn ngữ đặc thù của Ngài, để qua lời nói và việc làm, mạc khải chân lý cho loài người. Ngài tự giới thiệu như là kẻ có quyền quyết định về phận mệnh vĩnh viễn của mỗi người. Đối chiếu thái độ của người khác đối với các Tông đồ và đối với mình, Ngài cho thấy rõ sự khác biệt giữa tính cách tương đối trong thái độ đối với các Tông đồ: *“Ai không chống anh em, là ủng hộ anh em”* (Lc 9, 50); và tính cách tuyệt đối trong thái độ đối với chính Ngài: *“Ai không đi với tôi là chống lại tôi, và ai không cùng tôi thu góp là phân tán”* (Lc 11,23); và thêm nữa: *“Ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì sẽ bị chối trước mặt các thiên thần của Thiên Chúa”* (Lc 12, 9).

Đức Giêsu ám chỉ đến chức năng của Ngài là làm thẩm phán chung. Không những sau thế mạng, mà ngay trong thời gian lịch sử đang tiếp diễn, Ngài có *“toàn quyền trên trời dưới đất”* theo tư thế là Đấng Cứu Độ (x. Mt 28,18). Bởi đã từng sống bên cạnh Đức Giêsu lịch sử, từng nghe lời Ngài giảng cũng như thấy việc Ngài làm, và nhất là đã được mục kiến Ngài phục sinh – tức là Đấng được Thiên Chúa xác nhận là đã đến từ Người, đã sống, nói năng và hành động đúng kế hoạch của Người – các Tông đồ hiên ngang, mạnh dạn rao giảng ngay từ đầu, chân lý về Đấng Cứu Độ duy nhất, bất chấp những khó khăn và chống đối chông chát đến từ phía dân Do Thái cũng như từ phía lương dân.

Sự duy nhất và chung cuộc của Đấng Trung Gian

Vai trò Trung gian của Đức Kitô được tiến hành theo hai hướng: hướng lên và hướng xuống. Một đàng, Người dâng lên Chúa Cha tâm tình thờ phượng, yêu mến cùng với lời cầu nguyện và lễ vật thay cho loài người; đàng khác, Người thông ban những ân huệ và phúc lành của Thiên Chúa xuống cho con người. Chỉ nhờ Người, với Người và trong Người mà con người mới đến được với Thiên Chúa Tình Yêu và kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa mới có thể hiểu được đối với con người.

Đức Giêsu là Đấng Trung gian Hòa giải giữa Thiên Chúa và loài người trong tư cách là một ngôi vị Thiên Chúa nhập thể. Nhân tính của Người, nhờ Ngôi hiệp được nâng lên mức độ hoàn hảo có một không hai để xứng đáng với Ngôi vị Thiên Chúa và trở nên dụng cụ trung gian duy nhất, hữu hiệu và hoàn hảo. Ngài đóng vai trò trung gian trong vị thế một con người – Thiên Chúa làm người. Vì thế, thánh Phaolô đã khẳng định rằng, “*chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng Trung Gian giữa Thiên Chúa và loài người: đó là một con người, Đức Kitô Giêsu*” (1Tm 2,5). Đó cũng là điều dẫn ta tiếp cận với sự nhận hiểu phần nào về “lí do” của Ngôi Lời khi nhập thể trở nên người phàm. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là chỉ một mình nhân tính của Đức Giêsu đứng ra làm trung gian hòa giải, dù nhân tính này hoàn toàn vô tội. Sở dĩ những hành động nhân loại của Đức Kitô có giá trị và vai trò trung gian, bởi vì đó cũng chính là những hành động của Thiên Chúa, và do đó, những hành động ấy có giá trị hòa giải phổ quát và chung cuộc giữa Thiên Chúa và con người qua mọi thế hệ.

Hòa giải là kế hoạch ngàn đời của Thiên Chúa, nhưng đến thời sau hết, Thiên Chúa đã cho Con Một xuống “nói” với loài người về Ngài (x. Dt 1,1-2). Đức Giêsu Kitô – Ngôi Lời của Thiên Chúa đã xuống thế để “giải thích” về Thiên Chúa cho con người qua việc tự hiến trọn vẹn bằng chính hữu thể và qua mọi hành động trần thế của Người. Lời Đức Giêsu dạy, việc Đức Giêsu làm phải là chính con người Ngài, bởi “*trọn vẹn con người Ngài là Con, là Lời, là Sự Vụ; hành vi của Ngài cũng là sự diễn tả chính hữu thể thâm sâu của Ngài, làm một với con người Ngài*”.⁸

Và phải như thế Ngài mới là Đấng Trung Gian hòa giải duy nhất và chung cuộc, và cũng chính nhờ nét độc sáng qua sự duy nhất giữa hành động và hữu thể, giữa tỏ hiện và bản thể, Đức Kitô mới đủ “tư cách” đại diện loài người trước mặt Thiên Chúa Cha. Chỉ có Ngài mới là Đấng Trung Gian chung cuộc và duy nhất, bởi nơi Ngài và chỉ nơi Ngài sự đồng nhất giữa Hữu Thể – Sống – Phục Vụ mới hiện thực với trọn vẹn ý nghĩa của nó. Toàn bộ hiện hữu và hành động của Ngài là để “cho” – sống cho, hơn nữa bởi Ngài làm một với Thiên Chúa Cha nên Ngài là trung gian hòa giải duy nhất mẫu mực, trọn nghĩa và chung quyết của lịch sử; chỉ có Ngài mới là Con Người xứng đáng đại diện cho loài người để đối thoại với Thiên Chúa về mọi chiều kích nhân sinh mọi nơi và mọi thời. Chính nhờ Người, với Người và trong Người,

⁸ Joseph Ratzinger, *Đức Tin Kitô Giáo Hôm Qua Và Hôm Nay*, bản dịch Việt ngữ của Lm. Athanasiô Nguyễn Quốc Lâm và Nguyễn Hồng Lam, Nxb. Tôn Giáo, 2000, tr. 238.

con người mới dám đối diện với tương lai của chính mình trong viễn cảnh cứu độ, vì Người “là Con Đường, là Sự Thật và là Sự Sống” (Ga 14,6).

Đức Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất ban cho chúng ta sự sống Thiên Chúa Ba Ngôi vì Người là Đấng làm chứng về Sự Thật và là chính Sự Thật; và chỉ Sự Thật mới giải thoát được con người (x. Ga 8,32). Nhờ được “biết” Đức Kitô mà con người mới có thể đạt tới sự “hiểu” về Chúa Cha. Khi mạc khải Người là con đường, Đức Kitô đã minh xác chức vụ Trung Gian của Người và diễn tả trọn vẹn vai trò hòa giải nhằm đưa con người vào trong mối tương quan liên ngã vị với Thiên Chúa, trong Tình Yêu và Ý Nghĩa đích thực. Đức Kitô là Con Đường vừa nói lên một thực tại vừa mạc khải một chức vụ – chức vụ đưa con người tới Thiên Chúa, và chỉ nơi Người mới là Con Đường đích thực và duy nhất dẫn loài người đến với cùng đích của mình là Sự Thật và Sự Sống.

Sứ vụ trung gian hòa giải của Đức Kitô được thực hiện giữa lịch sử loài người và trong Thánh Linh, vì thế, hành động trung gian hòa giải của Ngài vừa mang tính thần linh nhưng cũng rất hiện sinh cả trong ý nghĩa và hiệu quả của nó. Đó là sự hòa giải mang tính “thâu hời vạn vật”, bởi khi con người hoàn toàn được hòa giải với Thiên Chúa, con người cũng được hòa giải với nhau và với vũ trụ (x. Cl 1,2). Đức Kitô vừa là đại diện loài người trước Thiên Chúa vừa là Thiên Chúa hiện tỏ cho loài người; Đấng loan báo ơn cứu độ cũng chính là Đấng ban ơn cứu độ; Đấng rao truyền Chân Lý và Sự Sống cũng chính là Sự Thật và là Sự Sống; Đấng dẫn đường cũng chính là Con Đường; Đấng là con người thật nhưng cũng chính là Đấng làm một với Chúa Cha và hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Việc tin nhận và phó thác cho Đức Kitô là Đấng Trung Gian Hòa Giải duy nhất đúng nghĩa, viên mãn và chung cuộc là xác đáng, bởi Người là đường đi và là điểm đến, là Đấng hữu hình tỏ lộ Thiên Chúa vô hình; Người đón nhận thụ tạo và trở nên hữu hạn để mạc khải Đấng Vô Biên; Người đã làm người để dẫn con người tới Thiên Chúa. Và theo nghĩa đó, Đức Kitô trong mầu nhiệm được tỏ hiện, Người chính là “chiếc cầu” duy nhất nối khoảng cách xa vời vợi giữa Tạo Hóa với thụ tạo, giữa siêu nhiên với tự nhiên, giữa Thiên Chúa với con người.

Hơn nữa, sở dĩ Đức Kitô là Đấng Trung Gian hòa giải duy nhất và chung cuộc, bởi Người vừa là tư tế vừa là hy lễ, vừa là Thiên Chúa vừa là đền thờ: Người là tư tế nhờ đó chúng ta được giao hòa, là hy lễ qua đó chúng ta được giao hòa, là đền thờ trong đó chúng ta được giao hòa, là Thiên Chúa nơi Ngài chúng ta được lãnh ơn giao hòa. Chỉ một mình Người là tư tế tối cao, là hy lễ duy nhất và là đền thờ đích thực của Thiên Chúa, và nhờ đó con người mới được thánh hóa để trở thành một dân tộc duy nhất của vương quốc và được gọi Thiên Chúa là Cha – Abba!

Theo tư tưởng của thánh Phaolô, hòa giải là một hành động và là một tiến trình biến đổi hoàn toàn làm cho con người trở nên thụ tạo mới (x. 2Cr 5,17-18). Điểm độc đáo là sự hòa giải đến từ bên trên – từ Thiên Chúa là Đấng vô cùng hoàn thiện và tuyệt đối trung thành, trong khi con người thường bất trung và dễ đổi thay (x. 2Tm 2,13); và điểm mấu chốt của hòa giải là làm cho con người ngày càng trở nên giống Đức Kitô hơn để được tham dự vào

tình yêu của Ba Ngôi. Chỉ nơi Đức Kitô, sự hòa giải giữa hai đòi hỏi trái ngược nhau của sự công bằng và tình yêu Thiên Chúa mới được thực hiện.

Sự hòa giải đó diễn ra như một tiến trình thay đổi để trở nên giống Chúa Kitô từ trong mức độ hiện sinh của thân phận con người qua sự biến đổi tận căn nhờ và trong Đức Giêsu Kitô (x. Rm 5,10-11). Logic của mầu nhiệm hòa giải là biến tội nhân thành người công chính và trao ban thứ tha cho kẻ thù địch, để từ đây mọi tương quan trở nên tương quan trong bình an và ân sủng trong mức độ hiện sinh của nó. Vì thế, sự hòa giải đã được diễn ra trong mức độ một sự chuyển đổi nền tảng làm cho con người được trở nên những người công chính. Bởi sự sống và ơn thánh mà Thiên Chúa ban cho các kẻ tin nhờ ơn cứu chuộc mà Đức Kitô đã thực hiện rõ ràng là một ân huệ phi thường, được cụ thể hóa qua sự chuyển đổi trong thân phận con người yếu đuối và hữu hạn của chúng ta.

Nơi Đức Kitô, con người được hòa giải với Thiên Chúa và với nhau bằng việc kết hợp với thần tính của Ngôi Lời, được kêu mời từ bỏ nếp sống bất trung, giả dối, lầm lạc, chia rẽ... qua một tiến trình thanh luyện lâu dài nhưng với những phương thế mới mẻ và hữu hiệu qua Lời và các Bí tích của Người. Đức Kitô, Đấng thấu hiểu vạn vật và đưa về Vương Quốc, bởi Người là Đấng phát xuất từ Vương Quốc. Lý do của Nhập thể – Thụ nạn – Phục sinh là làm cho vũ trụ đạt đến tầm mức viên mãn trong chính nhiệm thân của Ngôi Lời, và để thấu hiểu vạn vật dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô (x. Ep 1,10).

Từ đó, sứ mạng hòa giải của Đức Kitô đã đạt đến mức thành toàn và chung quyết, bởi Đấng Trung Gian Hòa Giải cũng chính là Cùng Đích mà cuộc hòa giải đạt đến. Vì thế từ nay, Kitô giáo trong ý nghĩa lịch sử thông thường, xét như một định chế tôn giáo đặc thù với một tính cách đặc định và thống nhất – hiệp nhất, hướng lên và tôn thờ Thiên Chúa một cách trung thực và thuần khiết nhất, đã sửa lại và loại bỏ những khiếm khuyết vốn tồn tại trong các định chế tôn giáo trước đó. Biến cố Đức Kitô như một sự thức tỉnh triệt để và tận căn về cung cách thờ phượng Thiên Chúa (hướng lên) và cách thức liên đới với tha nhân (hướng ngang), để từ trung tâm điểm là Đức Kitô, mọi tương quan thần linh và nhân loại được qui chiếu về nhằm đón nhận mẫu thức hoàn hảo nhất cho mọi vấn đề.

Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ và là Ơn Cứu Độ của nhân loại

Chẳng một phút giây nào trong dòng lịch sử, Thiên Chúa lại ngừng ban ơn cứu độ cho con cháu Adam (x. St 3,15), nhờ việc thiết lập giao ước của Ngài với toàn thể nhân loại qua ông Nôe (x. St 9,9), và sau đó, với Abraham và dòng dõi của ông (x. St 15,18). Vì thế, ơn cứu độ của Thiên Chúa mặc lấy trật tự thụ tạo vốn được toàn thể nhân loại chia sẻ, và ơn ấy đồng hành cùng lộ trình cụ thể của nhân loại trong lịch sử. Bằng việc chọn một dân tộc và ban cho họ các phương tiện để chống lại tội lỗi và đến gần với Ngài, Thiên Chúa đã chuẩn bị cho việc ngự đến của “*một Vị Cứu Tinh quyền thế để giúp ta, từ dòng dõi trung thân Đa-vít*” (Lc 1,69). Khi thời gian đến hồi viên mãn, Chúa Cha đã sai Người Con của Ngài đến thế gian; Người Con ấy đã loan báo Nước Thiên Chúa, chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyền (x. Mt 4,3). Những việc chữa lành mà Chúa Giêsu thực hiện, qua đó Người làm tỏ rạng sự quan phòng của Thiên Chúa, là dấu chỉ qui hướng về chính bản thân Người, Đấng được mặc khải trọn vẹn như là Chúa của sự sống và sự chết trong biến cố Vượt Qua của Người.

Theo Tin Mừng, ơn cứu độ cho toàn thể nhân loại bắt đầu bằng việc đón nhận Chúa Giêsu, như xưa với ông Giakêu: “*Hôm nay ơn cứu độ đã đến cho nhà này*” (Lc 19,9). Tin Mừng cứu độ có một tên gọi và một khuôn mặt là: Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ mà một người Kitô hữu cần phải xác định một cách dứt khoát cho căn tính của đời mình. Vì trở nên: “*Kitô hữu không phải là một quyết định đạo đức hay một tư tưởng vĩ đại, nhưng là sự gặp gỡ với một biến cố, với một Con Người, Đấng đem lại cho đời sống chúng ta một chân trời mới và từ đó một định hướng dứt khoát*”.⁹ Trong Phúc Âm, thánh Gioan nhấn mạnh sự kiện này với những lời như sau: “*Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người... thì được sống muôn đời*” (Ga 3,16).

Qua dòng lịch sử hằng bao thế kỷ, với nhiều diện mạo, đức tin Kitô giáo đã làm tỏ rạng công trình cứu độ của Người Con nhập thể. Công trình cứu độ ấy được thực hiện mà không hề có sự tách biệt giữa chiều kích chữa lành của ơn cứu độ, nhờ đó Chúa Kitô cứu chúng ta khỏi tội lỗi, với chiều kích vinh thăng, nhờ đó Chúa Kitô làm cho chúng ta trở thành con cái của Thiên Chúa, bằng việc thông phần bản thể thần linh của Người (x. 2 Pr 1,4). Khi nhìn viễn cảnh cứu độ theo hướng từ trên xuống (nghĩa là khởi sự từ Thiên Chúa, Đấng đến cứu độ con người), Chúa Giêsu là Đấng soi sáng và mạc khải, cứu chuộc và giải thoát, thần linh hóa và công chính hóa con người. Theo cái nhìn từ dưới lên (nghĩa là khởi sự từ con người qui hướng lên Chúa), Chúa Kitô là vị Thượng Tế của Giao Ước Mới, dâng lên Chúa Cha việc thờ phượng hoàn hảo, nhân danh toàn thể nhân loại: Người tự hiến, đền tội và hằng sống để chuyển cầu cho chúng ta.

Bằng cách này, một sự hợp nhất lạ lùng giữa hành động thần linh và nhân loại tỏ hiện trong đời sống của Đức Giêsu, một sự hợp nhất chỉ cho thấy rõ lối nhìn cá nhân chủ nghĩa là không có nền tảng. Cái nhìn từ trên xuống làm chứng cho tính trời vượt tuyệt đối của những hành động nhưng không của Thiên Chúa; vượt trước mọi hành động của chúng ta, sự khiêm nhường là điều thiết yếu để đáp lại tình yêu cứu độ của Thiên Chúa và là điều kiện cần thiết để lãnh nhận quà tặng của Ngài. Đồng thời, cái nhìn hướng lên nhắc nhở rằng, nhờ những hành động hoàn toàn nhân loại của Người Con của Ngài, Chúa Cha muốn đổi mới hành động của chúng ta, để một khi nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô, chúng ta có thể thực hiện “*những công trình tốt đẹp mà Thiên Chúa đã chuẩn bị cho chúng ta*” (Ep 2,10).

Hơn nữa, rõ ràng Ơn Cứu Độ Chúa Giêsu mang đến nơi bản thân Người không xảy ra theo cách thức thuần túy nội tại. Quả thực, Người Con đã mặc lấy xác phàm, để chia sẻ cho mọi người sự hiệp thông cứu độ với Thiên Chúa (x. Ga 1,14). Bằng việc mặc lấy xác phàm (x. Dt 2,14; Ga 4,2), và sinh ra bởi người nữ (x. Gl 4,4), Con Thiên Chúa đã trở nên con loài người và nên anh em của chúng ta (x. Dt 2,14). Như thế, vì đã trở nên thành phần của gia đình nhân loại, “*Người đã liên kết với hết mọi người cách nào đó*”¹⁰ và đã thiết lập một thể thức tương quan mới mẻ với Thiên Chúa, Cha của Người, và với toàn thể nhân loại; chúng ta có thể được tháp nhập vào thể thức tương quan mới mẻ này và thông phần vào chính sự sống của Con

⁹ Thông điệp *Deus caritas est*, số 1.

¹⁰ Hiến chế *Gaudium et Spes*, số 22.

Thiên Chúa. Bởi thế, việc mặc lấy xác phàm chẳng những không giới hạn hành động cứu độ, mà còn cho phép Đức Kitô trở nên trung gian ơn cứu độ của Thiên Chúa cho toàn thể con cái Adam.

Chúa Giêsu đã không tự giới hạn vào việc chỉ giới thiệu cho chúng ta con đường gặp gỡ Thiên Chúa, nhờ đó chúng ta có thể tiến bước trên nẻo đường riêng của chúng ta, bằng việc vâng nghe lời Người và noi theo gương Người. Đúng hơn, Chúa Kitô mở cho chúng ta cánh cửa tự do, và chính Người trở thành con đường: *“Thầy là đường”* (Ga 14,6). Hơn nữa, lộ trình này không chỉ là một hành trình nội tâm ở bên lề các mối tương quan của chúng ta với người khác và với thế giới thụ tạo. Đúng hơn, Chúa Giêsu đã ban tặng chúng ta một *“con đường mới và sống động qua bức màn chính là thân xác Người”* (Dt 10,20). Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ vì Người đã mặc lấy toàn vẹn nhân tính của chúng ta và đã sống một cuộc sống nhân loại trọn vẹn trong sự hiệp thông với Cha của Người và với tha nhân. Vì thế, ơn cứu độ hệ tại việc tháp nhập chúng ta vào trong sự sống của Người, nhờ lãnh nhận Thần Khí của Người (x. 1 Ga 4,13). Người đã trở thành, *“theo cách thế đặc biệt, nguồn cội của mọi ân sủng theo nhân tính của Người”*¹¹. Người vừa là Đấng Cứu Độ vừa là ơn cứu độ.

Ơn cứu độ trong Giáo Hội

Giáo Hội là nơi chúng ta được đón nhận ơn cứu độ do Chúa Giêsu thiết lập, đây là một cộng đồng gồm những người đã được kết hợp trong mối tương quan mới do Đức Kitô khởi xướng (x. Rm 8,9). Ơn cứu độ Thiên Chúa ban cho chúng ta không đạt được bằng những nỗ lực riêng của từng người chúng ta. Đúng ra, ơn cứu độ có trong các mối tương quan nảy sinh từ Con Thiên Chúa nhập thể và các mối tương quan này tạo nên sự hiệp thông của Giáo Hội. Giáo Hội là một cộng đồng hữu hình bởi vì ân sủng Đức Kitô ban cho chúng ta không chỉ là ơn cứu độ nội tại mà còn bởi vì ân sủng dẫn đưa chúng ta vào các mối tương quan cụ thể mà chính Người đã sống. Trong mầu nhiệm Giáo Hội chúng ta được chạm đến các chi thể của Chúa Giêsu, đặc biệt nơi các anh chị em nghèo nhất và đau khổ nhất. Vì thế, tính trung gian cứu độ của Giáo Hội, *“Bí tích phổ quát về ơn cứu độ”*¹², bảo đảm cho chúng ta rằng, ơn cứu độ không hệ tại việc tự mình thực hiện đơn lẻ, cũng không hệ tại việc liên kết bên trong giữa cá nhân với thần thánh. Đúng hơn, ơn cứu độ hệ tại việc được kết hợp vào sự thông hiệp của những người cùng tham gia vào sự hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa.

Sự thông phần vào thể thức mới trong các mối tương quan do Chúa Giêsu khởi xướng, diễn ra trong Giáo Hội nhờ vào các bí tích, trong đó Bí tích Thánh Tẩy là cửa vào, và Bí tích Thánh Thể là nguồn mạch và tột đỉnh¹³. Chúng ta có thể nhận ra sự thiếu vững chắc của các chủ trương về tự thân cứu độ, vốn chỉ dựa hoàn toàn vào những nỗ lực của con người. Đức tin tuyên xưng rằng, chúng ta được cứu độ nhờ Bí tích Thánh Tẩy, bí tích này đóng ấn vào chúng ta một dấu không thể phai nhạt là thuộc về Đức Kitô và Giáo Hội. Sự chuyển đổi

¹¹ Tôma Aquinô, *Quaestio de veritate*, q. 29, a. 5, co.

¹² Hiến chế *Lumen Gentium*, số 48.

¹³ X. Hiến chế *Lumen Gentium*, số 11.

cách sống các mối tương quan của chúng ta với Thiên Chúa, với con người, và với tạo thành phát sinh từ Bí tích Thánh Tẩy (x. Mt 28,19).

Quả vậy, được thanh tẩy khỏi tội nguyên tổ và mọi tội lỗi khác, chúng ta được mời gọi vào sự sống mới đồng hình đồng dạng với Đức Kitô (x. Rm 6,4). Nhờ ân sủng của bảy bí tích, các tín hữu tiếp tục tăng trưởng và được canh tân về đời sống thiêng liêng, đặc biệt khi hành trình tâm linh trở nên khó khăn hơn. Khi trót từ bỏ tình yêu của mình đối với Đức Kitô bằng cách phạm tội, các tín hữu lại có thể được dẫn nhập vào các mối tương quan do Đức Kitô đã khởi sự trong Bí tích Hòa Giải, cho phép họ lại bước đi trên con đường Người đã đi (x. 1Ga 2,6). Bằng cách này, chúng ta hy vọng hướng tới Cuộc Phán Xét Cuối Cùng, trong đó mỗi người sẽ được phân xử theo độ chân thực của tình yêu mình đã thể hiện (x. Rm 13,8-10), cách đặc biệt là đối với những người yếu đuối nhất (x. Mt 25,31-46).

Nhiệm vụ cứu độ cũng đối nghịch với những khuynh hướng đề xướng một sự cứu độ thuần túy nội tâm. Thật vậy, thuyết ngộ đạo tự liên kết với quan điểm tiêu cực về trật tự được tạo dựng, trật tự này bị hiểu là sự giới hạn tự do tuyệt đối của tinh thần nhân loại. Vì thế, ơn cứu độ bị hiểu là sự giải thoát khỏi thể xác và các mối tương quan cụ thể mà con người đang sống. Ơn cứu độ đích thực, trái nghịch với tình trạng giải thoát khỏi thân xác, còn bao gồm cả việc thánh hóa thân xác (x. Rm 12,1) đến mức chúng ta được cứu độ nhờ *“Đức Giêsu Kitô đã hiến dâng thân mình làm lễ tế”* (Dt 10,10). Thân xác con người được Thiên Chúa nặn hình, ghi khắc vào đó một ngôn ngữ mời gọi con người nhận biết các tặng ân của Đấng Tạo Dựng và sống thông hiệp với anh chị em của mình¹⁴. Đấng Cứu Độ tái lập và canh tân ngôn ngữ nguyên thủy này qua màu nhiệm Nhập Thể và Phục Sinh của Người, đồng thời thông truyền màu nhiệm ấy trong nhiệm vụ các bí tích. Nhờ có các bí tích, các Kitô hữu mới có thể sống trung thành với máu thịt Đức Kitô và nhờ đó, trung thực với thể thức tương giao mà Người đã ban cho. Thể thức tương giao này, đặc biệt đòi hỏi phải chăm sóc hết thảy nhân loại khổ đau bằng các công việc của lòng thương xót về phương diện tinh thần cũng như thể xác¹⁵.

Tính phổ quát của ơn cứu độ nơi Chúa Kitô

Nếu chúng ta trở về với thuở ban đầu của Giáo Hội, chúng ta sẽ thấy được niềm xác tín rõ ràng, Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ duy nhất của tất cả mọi người, là Đấng duy nhất có thể tỏ Thiên Chúa ra và dẫn tất cả mọi người đến cùng Thiên Chúa. Để trả lời cho giáo quyền Do Thái vận hỏi các Tông đồ về việc chữa lành một người bị què, Thánh Phêrô nói:

Nhờ danh Chúa Giêsu Kitô Nazarét là Đấng quý vị đóng đinh, Đấng Thiên Chúa đã làm cho sống lại từ trong kẻ chết, Đấng mà nhờ Người người này đang lành mạnh đứng ở trước quý vị đây ... Không có ơn cứu độ nơi một người nào khác, vì không có một danh hiệu nào dưới gầm trời này được ban cho con người làm cho chúng ta được cứu độ (Cv 4, 10-12).

¹⁴ X. *Laudato si'*, số 155.

¹⁵ X. Tông thư *Misericordia et misera* (20-11-2016), số 20.

Câu phát biểu với Hội Đồng Do Thái ấy có một giá trị phổ quát, vì đối với tất cả mọi dân nước – Do Thái cũng như dân ngoại – ơn cứu độ chỉ có thể phát xuất từ Chúa Giêsu Kitô mà thôi.

Tính cách phổ quát của ơn cứu độ nơi Chúa Kitô được cả Thánh Kinh Tân Ước nhắc đến. Thánh Phaolô đã công nhận Chúa Kitô Phục Sinh là Chúa. Ngài viết:

Mặc dầu người ta cho là có những thần ở trên trời hay dưới đất – quả thực, thần cũng lắm mà chúa cũng nhiều – nhưng đối với chúng ta, chỉ có một Thiên Chúa là Cha, Đấng tạo thành vạn vật và là cùng đích của chúng ta; và cũng chỉ có một Chúa là Đức Giêsu Kitô, nhờ Người mà vạn vật được tạo thành, và nhờ Người mà chúng ta được hiện hữu (1Cr 8,5-6).

Một Thiên Chúa duy nhất và một Chúa duy nhất được thánh Phaolô nhắc đến một cách tương phản với số đông “thần linh” và “chúa tể” được chung chung chấp nhận. Thánh Phaolô tỏ ra phản lại với thuyết đa thần nơi hoàn cảnh tôn giáo thời của thánh nhân, và nhấn mạnh đến cái làm nên đặc tính của niềm tin Kitô giáo, đó là niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất và vào một Chúa duy nhất được Thiên Chúa sai đến.

Trong Tin Mừng Gioan, tính cách phổ quát cứu độ này của Chúa Kitô bao gồm mọi khía cạnh thuộc về ân sủng, chân lý và mạc khải của Người: Ngôi Lời là “ánh sáng thật đã chiếu soi mọi người” (Ga 1, 9). Hơn nữa, “chưa ai đã từng thấy Thiên Chúa; duy Người Con Một là Đấng ở trong lòng Cha mới là vị tỏ Cha ra” (Ga 1,18). Việc Thiên Chúa mạc khải được chấm dứt và hoàn tất nơi chính Người Con duy nhất của Ngài:

Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử. Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn vật muôn loài (Dt 1, 1-2).

Nơi Lời mạc khải cuối cùng này của Ngài, Thiên Chúa đã tỏ mình ra một cách khả dĩ trọn vẹn nhất. Ngài đã mạc khải cho con người biết Ngài là ai và Giáo Hội có nhiệm vụ là phải loan truyền mạc khải này để tất cả mọi người đều được hưởng ơn cứu độ của Thiên Chúa.

Chúa Kitô là trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại:

Thật vậy, chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người: đó là một con người, Đức Kitô Giêsu, Đấng đã tự hiến làm giá chuộc mọi người. Điều này đã được chứng thực vào đúng thời đúng buổi. Và để làm chứng về điều này, tôi được đặt làm người rao giảng và làm Tông đồ - tôi nói thật chứ không nói dối – nghĩa là làm thầy dạy các dân ngoại về đức tin và chân lý (1Tm 2, 5-7).

Bởi thế, không ai có thể được hiệp thông với Thiên Chúa mà không qua Chúa Kitô, nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần. Vai trò trung gian duy nhất phổ quát của Chúa Kitô, không hề làm ngăn cản hành trình tiến đến với Thiên Chúa, là đường lối chính Thiên Chúa thiết lập, một sự kiện Chúa Kitô đã thừa biết. Mặc dầu cũng có những hình thức dự phần vào việc làm trung gian khác thể loại và khác cấp độ, chúng chỉ có ý nghĩa và giá trị là do vai

trò trung gian riêng của Chúa Kitô mà thôi, và không được nghĩ rằng chúng song song với hay bổ khuyết cho vai trò trung gian của Người.

Từ xác tín này, chúng ta cùng nhau nhìn về những người ngoài Kitô giáo và ơn cứu độ của họ, khởi đi từ quan điểm của Giáo hội qua dòng lịch sử, với lòng trân trọng hạt giống của Lời mà Chúa Thánh Thần đã gieo vãi vào trong lòng các nền văn hóa, tin ngưỡng và tôn giáo.

Đức Kitô đối với những người ngoài Kitô giáo

Quan điểm của Giáo Hội qua dòng lịch sử

Trong lịch sử Giáo Hội, khi nói đến những tôn giáo ngoài Kitô giáo, thường dựa theo hai nguyên tắc; đó là: *“Thiên Chúa mong muốn tất cả mọi người đều được cứu độ và nhận biết chân lý”* (1Tm 2,4), nhưng điều tiếp theo là: *“Chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng Trung Gian giữa Thiên Chúa và loài người: đó là một con người, Đức Kitô Giêsu. Đấng đã tự hiến làm giá chuộc mọi người”* (1Tm 2,5-6).

Khi các giáo phụ tiếp xúc với với những nền triết học Hy Lạp mà họ từng tôn trọng, đã nhìn nhận rằng ở ngay trong toàn thể nhân loại đã có hạt giống của Ngôi Lời, làm cho con người có thể ở một mức độ nào đó có được cuộc sống giống như Chúa Giêsu và để được ơn cứu độ, nhưng mặt khác, khi Giáo Hội đối diện với những phần tử của lạc thuyết hoặc những dân tộc ngoại giáo có tính cách nguy hiểm cho Giáo Hội, thì lúc đó lại nhấn mạnh rằng *“bên ngoài Giáo Hội không thể có được cứu độ”* (Origen, 185-254).

Công đồng Trent (1545-1563), trong lần nhóm họp năm 1547 tuyên bố rằng, nếu những người ngoài Giáo Hội muốn được Rửa tội, thì trong lòng âm thầm đã bày tỏ ước muốn gia nhập Giáo Hội, những loại ước muốn này (nghĩa là phép Rửa tội bằng lòng ao ước - 1 trong ba loại hình thức Rửa tội: phép Rửa bằng nước; phép Rửa bằng máu - tử đạo; và phép Rửa bằng lòng ao ước), cũng làm cho họ được cứu độ. Vì vậy, Giáo Hội nhìn nhận *“ngoài Giáo Hội”* có thể được ơn cứu độ, bởi vì có những liên quan tiềm ẩn đối với Giáo Hội; nhưng *“không có Giáo Hội thì không có được ơn cứu độ”*, những người ngoài Giáo Hội cũng có thể có những cơ hội được ơn cứu độ, nhưng nếu ở trong Giáo Hội thì có hy vọng hơn để có được ơn cứu độ, bởi vì có thể nhận lãnh được với đầy đủ sự hiểu biết chính thức hơn, và có sức mạnh ơn Chúa Thánh Thần đầy đủ hơn.

Công đồng Vatican II (1962-1965), trong tuyên ngôn về *“Mối liên hệ của Giáo Hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo”* nói rằng:

Giáo Hội Công giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo ấy. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo Hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết của các tôn giáo, dù có nhiều điểm khác với chủ trương và đề nghị của Giáo Hội, nhưng vẫn thường mang lại một tia sáng của chính chân lý đang chiếu soi tất cả mọi người. Tuy nhiên, Giáo Hội rao giảng và phải không ngừng rao giảng Chúa Kitô, Đấng là

“đường, sự thật và sự sống” (Ga 14,6) trong Người, con người tìm được đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình¹⁶.

Bởi vậy Giáo Hội không đề cập đến những giá trị tổ chức bên ngoài của những tôn giáo này, vì bên trong (những tôn giáo này) chân lý, thánh thiện không phải do tự khả năng đặc biệt nào của họ. Tôn giáo là một phần trong văn hóa của nhân loại, mà văn hóa càng tiến bộ càng làm cho tôn giáo có thể diễn đạt nhiều hơn quan hệ giữa con người và Thiên Chúa. Những tiến bộ này, không phải nhờ vào một loại mặc khải nào, nhưng nhờ vào những nỗ lực cố gắng của con người. Tôn giáo là những cao điểm của tín ngưỡng trong văn hóa của mỗi một dân tộc: *“Tôn giáo của mỗi một nơi trên khắp thế giới đưa ra những nền giáo lý, những quy luật sinh hoạt, và cả những nghi lễ tôn thờ thần thánh, làm thành những phương pháp, nỗ lực từ nhiều phương diện, bù đắp vào những bất an trong tâm tâm của con người”*.

Bởi vậy, theo quan điểm của Giáo Hội, tôn giáo thuộc về những tiến trình sáng tạo, là dựa vào lương tâm và sự hiểu biết của con người, nhưng cũng dựa vào *“những hạt giống của Ngôi Lời”*, để phát hiện ra những chân lý liên quan tới con người. Nhưng chỉ có nơi *“Đức Kitô là Đường, là Sự Thật, và là Sự Sống”* (Ga 14,6), con người mới có thể có được những sinh hoạt tôn giáo vẹn toàn và được hòa giải với Thiên Chúa. Giáo Hội coi trọng những tín hữu của các tôn giáo bạn ngoài Kitô giáo đã có những tinh thần và đạo đức cũng như những giá trị văn hóa xã hội của họ. Giáo Hội cũng khuyến khích tinh thần đối thoại và hợp tác với thái độ thận trọng và bác ái, trong khi vẫn nêu cao chứng tá của niềm tin và đời sống Kitô giáo.

Giáo hội nhìn về những tín hữu của các tôn giáo bạn ngoài Kitô giáo:

Họ không phải tự mình đã thiếu sót, chưa nhận biết Thiên Chúa, càng không phải vì không có ơn thánh của Thiên Chúa mà đã cố gắng sống một cuộc sống chân chính, Thiên Chúa là Đấng thấu hiểu mọi sự, Ngài sẽ không để cho họ thiếu đi những giúp đỡ để có được ơn cứu độ¹⁷.

Không có ai, kể cả các tín hữu Kitô, có thể dựa vào những cố gắng của chính mình mà được cứu độ, nhưng con người ít nhất cũng phải biểu lộ ước muốn lãnh nhận ân sủng của Thiên Chúa, điều ước muốn căn bản này là biểu lộ họ đã có những nỗ lực cố gắng để sống một cuộc sống chân chính. Nếu những tôn giáo bạn ngoài Kitô giáo có thể giúp đỡ những người khác biết rộng mở đón nhận ân sủng của Thiên Chúa, như vậy thì quá tốt rồi.

Giáo Hội nhìn sang các tôn giáo khác

Các tôn giáo thì rất khác biệt nhau. *Tuyên ngôn Nostra Aetate, số 4*, và đã dựa theo theo thư gởi tín hữu Rôma mà giải thích về thân phận của dân từng được chọn. Suốt trong quá trình lịch sử Giáo Hội, thái độ thù địch đối với dân Do Thái đã gây hại nhiều cho cả hai bên. Hiện nay, nhiều cuộc đối thoại đang tiến hành giữa hai phía. Những vấn nạn căn bản vẫn còn: giao ước cũ vẫn còn hiệu lực hay không? Tương quan làm sao với Tân Ước? Đức Giêsu có

¹⁶ *Nostra aetate, số 2.*

¹⁷ Hiến chế *Lumen Gentium, số 16.*

phải là Đấng Kitô hay không? Giáo Hội ý thức mình là dân *mới* của Thiên Chúa, phát xuất từ gốc Do Thái, công nhận Kinh Thánh Do Thái là phần đầu của Kinh Thánh Kitô giáo, và không thể nào quên được Đức Kitô cũng như các Tông đồ đều là người Do Thái. Thế nên, Giáo Hội muốn giữ một môi thân bằng đặc biệt với dân tộc Do Thái và với Do Thái giáo.

Đối với Hồi giáo, Giáo Hội nêu rõ thái độ tán phục, vì: “*các tín đồ Hồi giáo thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất, hằng sống và hằng hữu, từ bi và toàn năng, Đấng tạo thành trời đất*”, cũng như vì họ cố gắng noi theo Abraham tuân phục Thiên Chúa, nhìn nhận Đức Giêsu là tiên tri, và tỏ lòng tôn kính phải lẽ đối với Đức Maria đồng trinh; cuối cùng, và họ cũng trông đợi ngày phán xét¹⁸. Trở ngại cơ bản cho việc đối thoại là ở chỗ họ coi Môhamét là ngôn sứ chung quyết, và giữ lập trường “bút chiến” chống lại giáo lý về Thiên Chúa Ba Ngôi. Thần học Công giáo có thể nhận là Đức Môhamét đã được ơn tiên tri qua một kinh nghiệm bí nhiệm. Việc đối thoại với các anh chị em Hồi giáo thường chỉ giới hạn ở trong lãnh vực xã hội và văn hóa.

Công đồng nói về Ấn giáo và Phật giáo một cách rất tổng quát¹⁹, nhưng lại nhấn mạnh đến việc cần phải tiến hành công tác đối thoại để mọi phía hiểu nhau đầy đủ hơn. Thần học Công giáo sẵn có một công cụ để tìm hiểu thêm về các tôn giáo Châu Á, đó là “*thần học vô ngôn*” (apophatic theology). Ngoài ra, kinh nghiệm tín đồ các phía rút tỉa được từ việc hợp tác với nhau để làm những công tác từ thiện, hoặc từ việc cùng cầu nguyện chung với nhau, sẽ giúp cho tất cả có cơ hội chia sẻ cho nhau niềm hy vọng của mình. Các cuộc đối thoại chính thức cũng đã và đang tiến hành, chẳng hạn như Phật giáo và Kitô giáo đã có cuộc gặp gỡ nhau tại Pattaya, Thái Lan, năm 1994.

Xét về mặt thần học tín lý, thì có thể nói rằng Đức Kitô hiện diện suốt giữa dòng lịch sử cứu độ, để mọi người thiện chí có thể được cứu rỗi. Nếu thế, thì càng có lý để quả quyết là Ngài hiện diện trong các sinh hoạt tôn giáo. Bởi làm cho đại đa số nhân loại xích lại gần với “*thế giới siêu nhiên,*” và cảm thấy mình có liên hệ với Đấng Tuyệt đối, các tôn giáo quả là khí cụ để ơn cứu độ đến tận từng người.

Tuy nhiên, vai trò “*trung gian*” của các tôn giáo chỉ có tính loại suy so với Giáo Hội và các bí tích, và phải được hiểu theo một nghĩa khác, cũng như phải được đặt ở trong một bình diện khác.

Ngoài những quan điểm tiêu biểu tương tự như trên, chúng ta cũng có thể nghiên cứu tới những kết quả thực tế về công cuộc cứu chuộc nhân loại của các tôn giáo, đó là việc phát sinh ra những Thánh nhân, việc cứu giúp người nghèo khổ. Chúa Giêsu nói: “*Cho dù các người không tin vào Ta, thì ít nữa hãy tin vào những việc Ta đã làm*” (Ga 10,38) và: “*Các người có thể xem họ sinh quả như thế nào, để thẩm định họ*” (Mt 7,16). Tiêu chuẩn này cũng chính là tiêu chuẩn duy nhất của cuộc Phán Xét Chung trong ngày tận thế, về phương

¹⁸ X. *Nostra Aetate*, số 3.

¹⁹ X. *Nostra Aetate*, số 2.

diện này, cả các tín hữu Kitô cũng như các tín hữu ngoài Kitô giáo đều không thể tự hào được.

Ở Đài Loan, ai cũng thừa nhận rằng, những hoạt động từ thiện nổi tiếng của Hội Từ Tế thuộc Giáo Hội Phật Giáo Đài Loan (tương tự như Hội Caritas của Công Giáo) đã đóng góp rất nhiều trong việc phục vụ xã hội tại Đài Loan. Những hoạt động của họ đã bắt đầu lan rộng ra khắp các nước nghèo trên thế giới, kể cả việc cứu trợ để giúp đỡ những nạn nhân trong cuộc khủng bố ngày 11/09/2001 tại New York, Hoa Kỳ. Họ cũng đã từng bảo trợ để đưa một số bệnh nhân đặc biệt ở Việt Nam qua điều trị miễn phí tại các nhà thương nổi tiếng của họ tại Đài Loan.

Hay một ví dụ khác là Mẹ Têrêsa, qua các công việc Bác Ái nổi tiếng của Mẹ trên thế giới mà ai cũng biết đến, Giáo Hội Công giáo đã phong Thánh cho Mẹ, và đặc biệt, rất nhiều Phật tử, tín đồ Ấn giáo, đạo Jaina và tín đồ Hồi giáo nhất trí rằng Mẹ Têrêsa đã là một vị Thánh theo các chuẩn mực của tôn giáo họ, vốn là những tôn giáo không có tiến trình điều tra phong thánh. Các Kitô hữu đương nhiên biết rõ, bởi vì họ thường đối diện với một Đức Giêsu bị đóng đinh trên cây Thánh Giá, tự nhận mình là tội nhân. Đương nhiên, cứu chuộc nhân loại thì cũng phải bước vào trong nhân sinh quan, và nhân sinh quan của Kitô hữu phải lấy Chúa Giêsu làm tiêu chuẩn, bởi vậy, cứu độ trên lý luận và trên thực tế không thể tách rời nhau.

TẠM KẾT

Giáo Hội luôn tin rằng Thiên Chúa đã thiết lập Chúa Kitô như vị trung gian duy nhất, và chính Giáo Hội cũng được thiết lập như một bí tích cứu độ phổ quát²⁰. Bởi thế,

Tất cả mọi người được kêu gọi tham dự vào mối hiệp nhất công giáo này của dân Chúa, họ thuộc về mối hiệp nhất này, hay hướng về mối hiệp nhất này bằng nhiều cách khác nhau, dù họ là tín hữu Công Giáo, hay là các người tin vào Đức Kitô, và sau hết dù họ là tất cả mọi người ở khắp nơi nhờ ơn Chúa được kêu gọi đến ơn cứu độ.²¹

Cần phải giữ lấy cả hai chân lý này, tức là chân lý mọi người thực sự có cơ hội được cứu độ nơi Chúa Kitô, và chân lý Giáo Hội cần thiết cho ơn cứu độ. Cả hai chân lý này giúp chúng ta hiểu được *một mâu nhiệm cứu độ duy nhất*, để chúng ta có thể nhận biết tình thương của Thiên Chúa, cũng như biết được trách nhiệm của riêng mình. Ơn cứu độ, một ơn bao giờ cũng là do Thần Linh ban tặng, đòi con người phải cộng tác, cả trong việc cứu lấy mình và cứu lấy cả người khác nữa. Đó là ý muốn của Thiên Chúa, và đó là lý do tại sao Ngài đã thiết lập Giáo Hội và làm cho Giáo Hội trở thành một phần thuộc dự án cứu độ của Ngài. Đối với “dân thiên sai này”, Công Đồng nói:

²⁰ X. Hiến chế *Lumen Gentium*, đoạn 48.

²¹ Hiến chế *Lumen Gentium*, đoạn 43.

Dân này đã được Chúa Kitô thiết lập như một hiệp thông sự sống, yêu thương và chân lý; Người cũng muốn dùng dân này như dụng cụ cứu độ tất cả mọi người, và sai đi truyền giáo khắp thế giới như ánh sáng thế gian và như muối đất.²²

Tính cách phổ quát của ơn cứu độ có nghĩa là ơn cứu độ không phải chỉ được ban cho những ai tuyên xưng niềm tin vào Chúa Kitô và đã gia nhập Giáo Hội. Vì được ban cho tất cả mọi người, ơn cứu độ phải thuận lợi một cách cụ thể đối với mọi người. Thế nhưng, thực tế cho thấy, hôm nay đây, cũng như trong quá khứ, nhiều người không có cơ hội biết đến hay chấp nhận mạc khải Phúc Âm hoặc gia nhập Giáo Hội. Những điều kiện về xã hội và văn hóa họ sống không cho phép họ thực hiện được điều này, và họ thường được dưỡng dục theo các truyền thống tôn giáo khác. Đối với những người như vậy, mặc dù họ có liên hệ một cách mâu thuẫn nào đó với Giáo Hội, ơn cứu độ nơi Chúa Kitô bởi ân sủng cũng không làm cho họ chính thức trở thành phần tử của Giáo Hội, song chỉ soi sáng cho họ bằng một đường lối hợp với tình trạng tinh thần và thể chất của họ mà thôi. Ân sủng này là do Chúa Kitô ban cho; ân sủng ấy là hoa trái của việc Người hiến tế và được Thánh Linh thông ban cho. Ân sủng ấy giúp cho mỗi người đạt đến ơn cứu độ bằng việc tự do cộng tác của họ.

Lời của Đức Giêsu nói với người thiếu phụ Samari năm xưa vẫn như còn vang vọng đâu đây, nhất là trong thời kỳ của ngàn năm thứ 3 này:

Này chị, hãy tin tôi: đã đến giờ các người sẽ thờ phượng Chúa Cha, không phải trên núi này hay tại Giêrusalem [...]. Nhưng giờ đã đến – và chính là lúc này đây – những người thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Chúa Cha trong thần khí và sự thật, vì Chúa Cha tìm kiếm những ai thờ phượng Ngài như thế. Thiên Chúa là thần khí và những ai thờ phượng Ngài phải thờ phượng trong thần khí và sự thật (Ga 4,21-24).

Tài liệu Tham khảo

X. Tông thư *Misericordia et misera* (20-11-2016), số 20.

Tôma Aquinô, *Quaestio de veritate*, q. 29, a. 5, co.

Thông điệp *Deus caritas est*, số 1

Joseph Ratzinger, *Đức Tin Kitô Giáo Hôm Qua Và Hôm Nay*, bản dịch Việt ngữ của Lm. Athanasiô Nguyễn Quốc Lâm và Nguyễn Hồng Lam, Nxb. Tôn Giáo, 2000, tr. 238.

Đường Thi, *Thiên Chúa Giáo Và Tam Giáo*, (Tủ Sách Đàm Đạo Tôn Giáo, 2000), 160.

Thiện Cẩm, *Khi Trẻ Thơ Im Tiếng*, (1996), 165.

J. Dheilly, *Từ Điển Kinh Thánh*, Tập I (Hà Nội: NXB: Tôn Giáo, 1993), 342-344

Paul Hitz, *Echternach, Luxembourg, Đức Giêsu Kitô Vị Cứu Chúa Của Ta*, Lm. Phêrô Nguyễn Đức Mậu CSsR, Chuyên Dịch (1960), 40.

²² Hiến chế *Lumen Gentium*, đoạn 13.



Xin vâng

Cát Trắng, FMI

Cung trầm bổng vọng ngân theo câu hát

Bao thăng trầm lời Fiat: Xin Vâng

Buổi sơ khai Mẹ đáp với sứ thần

Theo sát Mẹ trong từng giây phút sống.

Lời Xin Vâng: cả tầng trời rung động

Cho nhân hoàn một Mầm Sống Thiên Linh.

Lời Xin Vâng: Mẹ đáp trả ân tình

Cho nhân thế ngập an bình, hạnh phúc!

Lời khai mở một kỷ nguyên hồng phúc

Lời ban trao và kín múc ân thiêng

Lời Xin Vâng: lời đáp trả dịu hiền!

Đời nhân thế hưởng niềm vui cứu độ.